TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **81**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 03 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 148/2026/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", giữa:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1990, số CCCD: 03809…...59.

Địa chỉ: thôn C 1, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996, số CCCD: 038196.....8.

ĐKHKTT: thôn Cẩm Lợi 1, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: thôn TY, xã T, tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số điều quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đình P và chị Nguyễn Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đình P và chị Nguyễn Thị D đều xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Đình P và chị Nguyễn Thị D thống nhất thỏa

thuận vợ chồng có 02 con chung, cháu Nguyễn Đình GB, sinh ngày 12/9/2014. Chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình GB. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Nguyễn Đình P và chị Nguyễn Thị D thống nhất thỏa thuận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Đình P và chị Nguyễn Thị D thống nhất thỏa thuận: anh P chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) anh P đã nộp. Trả lại cho anh P số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0003725 ngày 14/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Khu vực 7 – Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoa

TAND KHU VỰC 7

ZDQ030626.TL.QDBA
526

81/2026/QĐST-HNGĐ